
Bản án số: 12/2018/ DSST
Ngày 25/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Đình Đoài

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2/ - Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật – Thư Ký

Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2018/ TLST- DS ngày 04 tháng 4 năm 2018 Về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Đào T, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: số 28/1, tổ 12, ấp K 10A, xã T Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Bà Trần Thị Cúc M, sinh năm 1970 (có mặt)

Ông Đặng Đức T, sinh năm 1965 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 01, tổ 01, ấp K 9 A, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NHẬN THẤY

Nguyên đơn chị Phan Đào T trình bày: Vào năm 2012 tôi có cho vợ chồng chị Trần Thị Cúc M, anh Đặng Đức T chơi các dây hội như sau:

-Vào ngày 11/7/2014 tôi có mở dây hội tháng đóng 300.000 đồng, tổng cộng có 22 người chơi tham gia 39 chân hội, vợ chồng chị M, anh T tham gia 05 chân hội và chị M, anh T đã hốt hết 05 chân hội. Tổng cộng chị M hốt hội được sau khi trừ thảo là 28.320.000 đồng. Hội mãn vào ngày 11/10/2017.

-Vào ngày 05/05/2013 tôi có mở dây hội tháng đóng 500.000 đồng, tổng cộng có 18 người chơi tham gia 38 chân hội, vợ chồng chị M, anh T tham gia 03 chân hội và chị M, anh T đã hốt hết 03 chân hội. Tổng cộng chị M hốt hội được sau khi trừ thảo là 21.490.000 đồng. Hội mãn vào ngày 05/7/2016.

-Vào ngày 10/01/2013 tôi có mở dây hội mùa 04 tháng góp 3.000.000 đồng, tổng cộng có 11 người chơi tham gia 15 chân hội, vợ chồng chị M, anh T tham gia 03 chân hội và chị M, anh T đã hốt hết 03 chân hội. Tổng cộng chị M hốt hội được sau khi trừ thảo là 38.400.000 đồng. Hội mãn vào ngày 10/01/2018.

-Vào ngày 10/9/2013 tôi có mở dây hội tháng đóng 300.000 đồng, tổng cộng có 17 người chơi tham gia 32 chân hội, vợ chồng chị M, anh T tham gia 02 chân hội và chị M, anh T đã hốt hết 02 chân hội. Tổng cộng chị M, anh T hốt hội được sau khi trừ thảo là 24.860.000 đồng. Hội mãn vào ngày 06/5/2016.

-Vào ngày 16/12/2012 tôi có mở dây hội mùa khui 02 lần góp 2.000.000 đồng, tổng cộng có 11 người chơi tham gia 12 chân hội, vợ chồng chị M, anh T tham gia 03 chân hội và chị M, anh T đã hốt hết 01 chân hội. Hội mãn vào tháng 12 năm 2018. chị M, anh T tham gia 03 chân hội và hốt hội 01 chân sau khi trừ thảo là 10.700.000 đồng, còn lại 02 chân hội chưa hốt.

-Vào ngày 19/03/2015 tôi có mở dây hội tháng đóng 1.000.000 đồng, tổng cộng có 24 người chơi tham gia 37 chân hội, vợ chồng chị M, anh T tham gia 01 chân hội và chị M, anh T đã hốt hết 01 chân hội cụ thể bao nhiêu tiền thì tôi không nhớ. Hội mãn vào ngày 19/4/2018.

-Vào ngày 10/9/2013 tôi có mở dây hội tháng đóng 1.000.000 đồng, tổng cộng có 17 người chơi tham gia 32 chân hội, vợ chồng chị M, anh T tham gia 02 chân hội và chị M, anh T đã hốt hết 02 chân hội cụ thể bao nhiêu tiền thì tôi không nhớ. Hội mãn vào ngày 06/05/2016.

Đến ngày 22/02/2016 (âm lịch) thì vợ chồng chị M, anh T ngồi tính sổ lại với tôi thì vợ chồng chị M, anh T còn nợ tiền hụi của tôi tổng cộng là 171.900.000đ (một trăm bảy mươi một triệu chín trăm nghìn đồng). Sau đó đến tháng 7 năm 2016, vợ chồng chị M, anh T có trả cho tôi 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng), còn nợ lại 170.300.000đ (một trăm bảy mươi triệu ba trăm nghìn đồng), trong đó tiền nợ hụi đến hạn là 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng), còn lại 74.300.000đ (bảy mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng) tiền nợ hụi chưa đến hạn.

Vào ngày 03/03/2017 Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp đã giải quyết theo Bản án số: 09/2017/DS-ST buộc vợ chồng chị M, anh T trả cho tôi số tiền hụi đã mãn là 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng), còn nợ lại tôi 74.300.000đ (bảy mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng) tiền hụi chưa đến hạn. Đến nay hụi đã mãn 02 chân hụi của chị M, anh T và chị M, anh T đã đóng được 13 lần là 23.660.000đ (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), còn nợ lại tiền hụi của tôi là 50.640.000đ (năm mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Hiện nay trong số tiền nợ hụi trên có 01 dây hụi mùa 2.000.000đ (hai triệu đồng) mở vào ngày 16/12/2012, dây hụi này mãn vào tháng 12/2018, do chưa đến hạn mà vợ chồng chị M, anh T còn phải đóng hụi chết 03 lần nữa là mãn hụi, mỗi lần đóng 2.000.000đ (hai triệu đồng), tổng cộng là 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Vì vậy tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện phần dây hụi mùa 2.000.000đ (hai triệu đồng) mở vào ngày 16/12/2012, do dây hụi mùa 2.000.000đ này chưa mãn. Vì vậy trừ phần hụi chưa mãn, vợ chồng chị M, anh T còn nợ tôi số tiền là 44.640.000đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tôi có đến nhà vợ chồng chị M, anh T đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng chị M, anh T chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ cho tôi.

Nay tại phiên tòa tôi yêu cầu vợ chồng chị Trần Thị Cúc M, anh Đặng Đức T trả nợ số tiền hụi cho tôi là 44.640.000đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bị đơn chị Trần Thị Cúc M trình bày: Theo bản tự khai ngày 10/5/2018 và biên bản hòa giải ngày 14/5/2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay chị M trình bày là vợ chồng tôi thừa nhận còn nợ tiền hụi của các dây hụi đã mãn của chị Phan Đào T tại Bản án số: 09/2017/DS – ST ngày 03/03/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

số tiền là 74.300.000đ (bảy mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng), vợ chồng tôi có đóng hụi cho chị T được 13 lần số tiền là 23.660.000đ (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), còn thiếu lại 50.640.000đ (năm mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), hiện nay trong số tiền nợ hụi trên có 01 dây hụi mùa 2.000.000đ (hai triệu đồng) mở vào ngày 16/12/2012, dây hụi này mãn vào tháng 12/2018, mà vợ chồng tôi đang còn phải đóng hụi chết 03 lần nữa là mãn hụi, mỗi lần đóng 2.000.000đ (hai triệu đồng), tổng cộng là 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Vì vậy trừ phần hụi chưa mãn, vợ chồng tôi còn nợ chị T số tiền là 44.640.000đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Do hoàn cảnh kinh tế gia đình của vợ chồng tôi hiện nay đang gặp khó khăn nên chưa trả nợ ngay được.

Nay tại phiên tòa vợ chồng tôi cam kết sau khi hót 02 chân hụi của dây hụi mùa 2.000.000đ (hai triệu đồng) mở vào ngày 16/12/2012, dây hụi này mãn vào tháng 12/2018 thì vợ chồng tôi sẽ trả hết số tiền nợ hụi cho chị T số tiền là 44.640.000đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng góp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Đặng Đức T với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong các trường hợp sau đây: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

và người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và anh T đã được Tòa án tổng đạt, thông báo quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa nguyên đơn chị Phan Đào T với bị đơn vợ chồng chị Trần Thị Cúc M, anh Đặng Đức T là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Xét yêu cầu của chị Phan Đào T yêu cầu vợ chồng chị Trần Thị Cúc M, anh Đặng Đức T trả số tiền nợ hụi là 44.640.000đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì Hội đồng xét xử xét thấy trước đây từ ngày 11/7/2014 đến ngày 06/02/2016, vợ chồng chị M, anh T có tham gia chơi 17 chân hụi trong 07 dây hụi do chị T làm chủ hụi, chị M và anh T đã hốt hết 15 chân hụi còn lại 02 chân hụi chưa hốt. Đến ngày 22/02/2016 (âm lịch) thì vợ chồng chị M, anh T ngồi tính sổ lại với chị T thì vợ chồng chị M, anh T còn nợ tiền hụi của chị T tổng cộng là 171.900.000đ (một trăm bảy mươi một triệu chín trăm nghìn đồng), sau đó đến tháng 7 năm 2016, vợ chồng chị M, anh T có trả cho chị T 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng), còn nợ lại 170.300.000đ (một trăm bảy mươi triệu ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 03/03/2017 Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp đã giải quyết theo Bản án số: 09/2017/DS-ST buộc vợ chồng chị M, anh T trả cho chị T số tiền hụi đã mãn là 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng), còn nợ lại chị T là 74.300.000đ (bảy mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng) tiền hụi chưa đến hạn. Đến nay hụi đã mãn 02 chân hụi của chị M, anh T và chị M, anh T đã đóng được 13 lần là 23.660.000đ (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), còn nợ lại tiền hụi của chị T là 50.640.000đ (năm mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Do trong số tiền nợ hụi trên có 01 dây hụi mùa 2.000.000đ (hai triệu đồng) mở vào ngày 16/12/2012, dây hụi này mãn vào tháng 12/2018, do chưa đến hạn mà vợ chồng chị M, anh T còn phải đóng hụi chết 03 lần nữa là mãn hụi, mỗi lần đóng 2.000.000đ (hai triệu đồng), tổng cộng là 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Chị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện phần dây hụi mùa 2.000.000đ (hai triệu đồng) mở vào ngày 16/12/2012, do dây hụi mùa

2.000.000đ này chưa mãn. Do chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử ghi nhận. Vì vậy trừ phần hui chưa mãn, vợ chồng chị M, anh T còn nợ chị T số tiền là 44.640.000đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), theo bản tự khai ngày 10/5/2018 và biên bản không hòa giải được ngày 14/5/2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay chị M xác nhận vợ chồng chị hiện còn thiếu nợ tiền hui 44.640.000đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 1, Điều 13, Nghị định 144/2006/NĐ – CP của Chính Phủ quy định thì các thành viên phải có nghĩa vụ góp phần họ cho các thành viên được lĩnh họ và Điều 16 Nghị định 144/2006/NĐ – CP của Chính Phủ cũng quy định chủ họ có quyền yêu cầu thành viên không góp họ của mình phải hoàn trả phần họ trong trường hợp chủ họ đã góp thay cho thành viên đó. Do đó chị T đã bỏ tiền ra góp thay cho vợ chồng chị M, anh T số tiền là 44.640.000đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) cho nên vợ chồng chị M, anh T phải có nghĩa vụ trả nợ tiền hui cho chị T là 44.640.000đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của chị Trần Thị Cúc M là xin sau khi hốt 02 chân hui của dây hui mùa 2.000.000đ (hai triệu đồng) mở vào ngày 16/12/2012, dây hui này mãn vào tháng 12/2018 thì vợ chồng chị M sẽ trả hết số tiền nợ hui cho chị T số tiền là 44.640.000đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) thì chị T không đồng ý yêu cầu này. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có xem xét. Vì vậy buộc vợ chồng chị M, anh T phải có nghĩa vụ trả nợ tiền hui cho chị T là 44.640.000đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Về án phí DSST: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của chị Phan Đào T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị T số tiền là 1.266.000đ (một triệu hai trăm sáu mươi

sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007885 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc vợ chồng chị Trần Thị Cúc M, anh Đặng Đức T phải nộp: $44.640.000đ \times 5\% = 2.232.000đ$ (hai triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng Điều 479 Bộ Luật Dân Sự năm 2005, Điều 13, Điều 16 Nghị định 144/2006/NĐ – CP của Chính phủ. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Đào T.

3/ Buộc vợ chồng chị Trần Thị Cúc M, anh Đặng Đức T trả cho chị Phan Đào T số tiền hui là 44.640.000đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Phan Đào T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu vợ chồng chị Trần Thị Cúc M, anh Đặng Đức T không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4/ Về án phí DSST:

- Buộc vợ chồng chị Trần Thị Cúc M, anh Đặng Đức T nộp 2.232.000đ (hai triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Phan Đào T số tiền là 1.266.000đ (một triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007885 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định

tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Phan Đào T và chị Trần Thị Cúc M biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho anh Đặng Đức T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nông Đình Đoài